

## THẾ GIỚI THƠ NÔM HỒ XUÂN HƯƠNG

Phê bình văn học là khoa học của sự cảm thụ cái đẹp của văn chương. Người phê bình trước hết làm "nổ tung" văn bản, tức là tìm mọi bí ẩn của các liên kết tác phẩm, trình bày rõ ràng các cấu trúc biểu đạt phức hợp của tác phẩm, còn gọi là "giải mã" hoặc "tháo rời" mọi cơ cấu, mọi chi tiết ngôn từ. Nói như Rabelais, phải "đập vỡ cái xương", để "hút tuỷ" của tác phẩm, hoặc nói như Hemingway, nghiên cứu phần nổi của "tảng băng trôi" nhằm phát hiện phần chìm các ý nghĩa. Người phê bình muốn tìm ý nghĩa của tác phẩm về mọi mặt, - cái đẹp, xã hội học, lịch sử, tâm lý, triết học..., phải xuất phát từ cái biểu đạt, trên các bình diện ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp; ở thơ chủ yếu là ngữ âm, "thơ là lâu đài của các âm vang", "âm là nghĩa". Ngôn ngữ văn học là "người anh hùng" trong phê bình văn học hiện nay.

Nghệ thuật ngôn từ là một cụ thể sống phức hợp, vận động, nhiều âm thanh, nhiều màu sắc; mỗi tiếng là một "con kỳ nhông", đứng chõ này thì màu xanh, đứng chõ khác thì nâu, hoặc vàng úa. Thơ là một thể loại thật kỳ ảo. Nhà thơ nói một sự việc, bài thơ mang một ý nghĩa khác. Trước hết, thơ là "sự quay trở lại", như Jakobson nhận định: trong một bài thơ âm thanh "quay trở lại" (vẫn thơ chẳng hạn), hình ảnh, nhịp thơ, cảm xúc "quay trở lại". Nói cách khác, thơ là sự điệp trùng liên

tục, điệp trùng day dứt, khắc khoán, đén đau đớn, nhức nhối, hoặc gợi những giấc mơ xa (*Nước và non* trong *Thề non nước* của Tân Đà; Khi sao phong gấm rủ là, Giờ sao, Mặt sao, ..., Thân sao, hoặc Đã cho lấy chữ hồng nhan, Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân, đã cho vào kiếp phong trần, Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi, - *Truyện Kiều* v.v.). Đó là những điệp trùng của tiếng, của câu, của các hệ thống đồng nghĩa, phản nghĩa, ẩn dụ... nhằm diễn đạt ý tưởng (tình cảm, suy tư...) dưới nhiều dạng, ngày càng cao, càng sâu. Cho nên, vẫn theo Jakobson, có thể thấy chiều cao và chiều sâu ấy là một đặc trưng của thơ, được nhà lý luận biểu hiện bằng *trục đọc* hay *trục chất lượng*, hay *trục lực chọn*, khác với văn xuôi truyện, được biểu hiện bằng *trục ngang*, hay *trục tiếp nối, giáp kề nhau*, trục của các biến cố, của không gian và thời gian kế cận nhau. Nhà nghiên cứu Pháp J. Cohen nhận xét xác đáng rằng, về không gian (trên mặt giấy), đặc trưng của thơ là nó chiếm ít không gian hơn văn xuôi; trang in thơ có rất nhiều khoảng trắng, trắng giữa dòng chữ, trắng ở bốn lề trang giấy. Chất thơ tức là những rung động, những cánh bay của tình cảm và tơ tưởng, những xúc cảm của say mê v.v, do âm điệu ngôn từ tạo nên, và chủ yếu nằm ở các khoảng trắng. Thơ là gợi mở. Âm điệu câu thơ là cái biểu đạt; ý nghĩa của nó là cái được biểu đạt. Ở bài thơ hay, cái được biểu đạt này trở thành cái biểu đạt và sinh ra cái được biểu đạt thứ hai v.v. Nhà thơ càng tài năng, những làn sóng âm vang càng nhiều, càng rộng, có khi không bờ bến, nó vang dội trong nhiều thế kỷ.

Từ một số nguyên tắc cơ bản trên, chúng tôi nghiên cứu Thơ nôm Hồ Xuân Hương (Khoảng năm mươi bài); từ cấu trúc biểu đạt, tìm hiểu ý nghĩa thơ nôm Hồ Xuân Hương.

Hồ Xuân Hương là một nhà thơ đầy sáng tạo. Các nghệ sĩ tài năng vừa tuân thủ thi pháp của thời đại mình, vừa vi phạm các quy tắc ấy và sáng tạo phong cách của riêng mình. Hồ Xuân Hương sáng tạo một phong cách thơ luật Đường mới, một thế giới đời thường thắm tươi, một thiên nhiên tràn đầy sức sống, một triết lý tự nhiên của cuộc đời trần thế, của trực giác, cảm giác, bản năng, của say mê, một cái đẹp góc cạnh và vui tươi của sự vận động hối hả, căng thẳng với những nhịp thơ nhảy múa, những âm thanh vang động, những điệu vanxơ chóng mặt. Thơ Hồ Xuân Hương là thơ chậm trễ; hòn đá biết cười, hang động biết nói, nước lạch hát ca; Thơ Hồ Xuân Hương chủ yếu là ngày hội của bản năng, một *Festival* của cơ thể người phụ nữ, một đám cưới dân gian náo nhiệt, barôc, *grotesque*. Thế giới thơ nôm Hồ Xuân Hương là thế giới vô vàn *scandales*, những cú huých, những thách thức.

Trước hết, tâm hồn người đọc bị lay động bởi những chuyển rung dữ dội của những câu thơ tập hợp thành một thế giới sống động; nó tung hoành, nhảy múa, gây chấn động lớn trên trời, dưới đất. (*Xiên ngang* mặt đất..., *Đầm toạc chân mây*... Một trái trắng thu *chín mõm mòm*... Nảy vừng quế đỏ, *đổ lòm lòm*...), trên núi dưới sông (*Gió giật* sườn non... *Sóng đồn* mặt nước...). Thiên nhiên thì như vậy, con người thì "giơ tay", "xoạc cẳng", những cử chỉ mạnh mẽ, ráo riết, say mê: "Người quen cảnh Phật chen chân xọc, kẻ lạ bâu tiên mỏi mắt *dòm*"... "Sáng banh không kẽ khua tăng tít, Trưa trật nào ai móc kẽ rêu. Những *động từ* *hoạt động* trong thơ Hồ Xuân Hương giữ vị trí đầu não, vị trí "chúa tể", nó là cột sống, hòn đá tảng của nhịp thơ; nó có khả năng gây biến động, gây tai biến, bất chợt và hùng hổ; gió *thốc* sương *gio* (*Lắt lẻo cành thông* *cơn gió thốc*, *Đầm đìa lá liễu hạt sương gieo*), nảy (nảy vừng quế đỏ, nảy nét

*ngang, nhô (nhô đầu dọc), đạp xuống, đâm ngang, cọ māi (với non sông, đấm (chày kình, tiễu đẻ suông, không đấm), nỗi chìm (Bảy nỗi ba chìm với nước non), húc (giập thưa), chành ra khép lại, hoặc Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi, Nay của Xuân Hương đã quết rồi.* Các động từ gây cú xốc, những phá huỷ và những xây dựng kế tục nhau, là những nhịp mạnh hay linh hồn thơ của Hồ Xuân Hương. Các nhịp mạnh ấy liên kết với nhau, trong nhiều bài thơ, tạo nên thế giới của sự sống, của thiên nhiên năng động, cái tiêu huỷ và cái sinh thành. Nó diễn đạt cái biến đổi, cái vận động của nghệ thuật barôc, sức trẻ và cái đẹp. Trong hai câu thơ đã dẫn, *xọc* và *dòm* là những âm thanh bất ngờ, xộc xệch, không ăn khớp, tạo nên một sự khấp khểnh, lạc lõng và có tác dụng chuyển nghĩa từ cái "bình thường" bị phá huỷ, từ cõi "tử bi" sang cõi "trần thế". Nghĩa này được tạo nên bởi một âm ngắn gọn, bất chợt, "không chờ đợi". Có thể nói như vậy với các động từ *quết* (*Mời trầu*), *đấm*, *khoa*, *móc* (*Chùa Quán Sứ*), *thốc*, *cọ*, *giật*, *dồn*...

Thơ Hồ Xuân Hương là thơ hành động, không phải là thơ tâm tình, thơ trạng thái như thơ Thanh Quan hay khúc ngâm *Chinh phụ chẳng hạn*<sup>(1)</sup>.

(1) Có thể nói đến sự "nỗi loạn" của thơ nôm Hồ Xuân Hương. "nỗi loạn" trước hết ở "những vi phạm quy tắc "thông thường" của thơ, những từ, những vần, những nhịp, những dỗ vỡ của âm điệu thơ: *đó loét*, *lộn lèo*, *cha kiếp*, *toen hoén*, *phòm*... Hãy thử đọc ít câu thơ của Thanh Quan, thơ tình, với những hồi âm, những vang vọng buồn bã kéo dài trong buổi chiều tà, như tiếng tù và, tiếng sáo từ xa xưa vắng lại, những câu thơ ít động từ, nhiều danh từ kế tiếp nhau, một giọng và một nhịp đều đều:

*Trời chiều bỗng lặng bóng hoàng hôn...*

*Tiếng ốc xa đưa vắng trống đồn*

Chú ý những âm dài (*bảng lảng*, *bóng*, *hoàng*, *vắng*...) thanh huyền; và câu thơ chỉ có một nhịp kéo suốt bảy tiếng. Hoặc :

*Tạo hoá gây chi cuộc hý trường,*

*Đến nay thầm thoát mấy tinh sương...*

*Trăng xoá trăng giang phẳng lặng tờ...*

Thơ Hồ Xuân Hương tràn trề màu sắc, và hầu như không mấy khi những màu sắc ở độ không, mà *đỗ loét*, *xanh rì*, *tối om*, *đỗ lòm lòm*, *chín mõm mòm*... Ở đây, trạng từ giữ một chức năng quan trọng, nó đẩy màu sắc đến mức cực độ, tối đa, nó tạo trong văn bản cái không đồng chất, cái bất ngờ, nó gãy khúc. Nó có tác dụng chuyển nghĩa, từ cái bình thường sang cái ẩn dụ, - cơ thể người phụ nữ. Bằng một từ, có khi bằng một âm thanh, hoặc một nhịp điệu bất bình thường, nhà thơ nói cái này, song ý nghĩa của nó lại là cái khác: *Bảy đặt kìa ai khéo khéo "phòm"*; *phòm* mở đầu các vần *hom*, *dòm*, *khom*, *dom* ở bên dưới, khiến người đọc "giật mình", ngạc nhiên, nghĩ ngay tức khắc đến "cái động" khác "Động Hương Tích".

Thơ Hồ Xuân Hương là một thế giới âm thanh rộn rã, náo động: "tiếng trống canh dồn", tiếng "mõ khua", chuột "rúc rích", ong "vo ve", quạt "phì phạch", sóng vỗ "long bong", "gió giật", "gió lách cách", rồi "lõm bõm", "phép phòm", tiếng tiêu, chũm

Vẫn những âm dài, vẫn một nhịp phẳng lặng, biểu đạt tâm hồn cô đơn, tiếc thương và dám chìm vào chiều nắng, quá khứ, một dỗi khi bỗng xao động, nghẹn ngào với những nhịp ngắn, bất ngờ. *Dừng chân/dừng lại/trời/non/nước*..., cái hiện tại bơ vơ cô độc. Thơ Thanh Quan là thơ phong cách cao. Những từ Hán Việt đặt ở cuối mỗi câu thơ làm tăng vẻ huy hoàng của quá vãng; cảnh lồng lẩy ngày xưa, nay chỉ còn là những hình bóng lung linh tịch mịch. Thơ Thanh Quan là hồi ức, thơ Hồ Xuân Hương là hiện tại; thơ Hồ Xuân Hương pha trộn nhiều phong cách, có những điển cố *Bồng đáo*, *Đào nguyên*, *Ngọc thỏ*, *Hồng Nga*... và có những thách thức, chửi bới táo tợn: *Thây cha*, *Mắc mẹ*, *Bá ngo*, *hở hênh*, *Trái gió cho nên phai lộn lèo*... Thơ Thanh Quan ít chuyển nhịp, thơ Hồ Xuân Hương có những nhịp gãy khúc, biến đổi liên tiếp, nhiều khi dột ngọt và dữ dội. Thơ Thanh Quan biểu hiện cái không tính cách, không xác định, cái trung tính: *Ké đáy*, *người đáy luồng đoạn trường*... *Ngư ông*, *Mục tử*, *viễn phố*, *chợ mây nhả*..., thơ Hồ Xuân Hương biểu hiện cái cụ thể, cái hàng ngày, cái xác định: *cái quạt*, *quả mít*, *Anh đồ tinh*, *anh đồ say*... *Chàng Cóc ơi*, *chàng Cóc ơi*... Không gian thơ Thanh Quan vắng lặng tiều diệu, có nhiều khoảng trống, thơ Hồ Xuân Hương dày ấp sự vật xô đẩy, dù màu sắc, âm thanh, hình thù, và tất cả vận động hối hả, xoay vần đến chóng mặt. Tất nhiên còn nhiều so sánh nữa về các cấu trúc biểu đạt, về cú pháp, ngữ nghĩa, vẫn nhịp, thanh bằng thanh trắc v.v... Bài viết này không có mục đích tiếp cận thơ Thanh Quan, một *phong cách tuyệt vời* của cái *vắng mặt*, *sự chối từ*, *sự phủ nhận* (hiện tại), cũng như thơ Hồ Xuân Hương là *phong cách tuyệt vời* của sự *có mặt*, *sự khẳng định*, niềm vui sống.

choé và "giọng hì, giọng hỉ, giọng hi ha". Chỉ những tiếng động ấy, - dù tách rời khỏi văn cảnh nhịp điệu trong mọi mối quan hệ của nó với câu thơ, bài thơ, đã nói lên sự sống đời thường của thế giới Hồ Xuân Hương, cái thế giới xung động, rung động và hành động, không im, không tĩnh. Những âm thanh ấy xâm nhập lẫn nhau, cãi nhau, chí choé, cao thấp, nặng nhẹ vô cùng ôn ào, và những lời than vãn đêm khuya, và những đồi thoại tinh quái, mời mọc, trách chiêu Hồ say, tỉnh, tỉnh say "Sao anh ghẹo nguyệt giữa ban ngày?", trách người tình dối như Cuội (*Nhớ hái cho xin nắm lá đa*) và chỉ toan tính những sự "gùn ghè"; và lời chửi mắng "phường lòi tối", "ong non ngứa nọc", "dê con buồn sừng". Và hãy nghe những tiếng động ban đêm. Những đêm khuya thanh vắng, vang động tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng thốn thức của người phụ nữ (*Mõ thảm không khua mà cưng/cốc, chuông sầu chẳng đánh cớ sao/om*) Cốc và om (những tiếng dùng để cụ thể hoá các tình cảm "thảm" và "sầu") là những âm thanh ngắn, cắt đứt đột ngột hai câu thơ nhịp dài. Sự liên kết đó (nhịp dài/nhịp ngắn cự) mang ý nghĩa tâm trạng xót xa, - cái bất chợt, cái lạ lùng, cái sảng sốt. Và tiếng gá gáy "vắng vắng", sự điệp trùng này mới day dứt làm sao! Có ai như Hồ Xuân Hương thấy lớp âm thanh thứ hai của đêm vắng, từ xa đưa tới, từ mông lung, từ vô vọng và sâu thẳm của trái tim!

Hồ Xuân Hương là nhà thơ sử dụng ngôn ngữ để sáng tác nhạc, là nghệ sĩ tạo hình. Bà còn là nhà điêu khắc, và cả nhà kiến trúc nữa, - nhà kiến trúc của "lâu đài âm vang". Không gian thơ Hồ Xuân Hương đầy áp sự vật, mỗi sự vật một hình thù, mỗi bài thơ một công trình kiến trúc nghệ thuật. Thơ Hồ Xuân Hương rất nhiều dạng hình học: hình tròn, nhiều hình tròn: "Vầng trăng khi khuynh lại khi "tròn", Một "trái" trăng thu,

*dẫu sư tròn trọc lốc, Kẻ lạ "bầu" tiên..., Đôi gò Bồng Đảo..., "Khối" tình cọ mãi với non sông... Mảnh tình một "Khối" thiếp xin mang. Hình ba góc: Chành ra "ba góc" da còng thiếu, hình méo, hình "khὸm": Giữa in hình bánh khuôn còn "méo", Ngoài khép đôi cung, cánh vẫn "khὸm", rồi "rộng", "hở", "ngắn", "dài", "sâu", "nồng", "mỏng", "dày", và "sù sì", và "tùm hum", và "lam nham", và "lún phún"... Các hình thù kỳ lạ, đủ các cỡ ấy chuyển động, nó uốn éo (*Ba chac cây xanh hình uốn éo*), nó lom khom (*Con thuyền vô trạo cuí lom khom* "khom khom", "ngửa ngửa", "dọc", "ngang" (*nhô đầu dọc, nảy nét ngang*), "cuí", "giang thẳng cánh", "duỗi song song"). Các hình thù ấy động đậy, cua mình đậm lên, chọc xuống, tạo nên một không gian động trong một thời gian động. Nó thúc tỉnh, khua động, gợi dậy sức sống, cái đẹp tiềm năng trong con người. Những từ bất thường, những vần gai góc dùng để chuyển đạt những ẩn dụ bản năng sự sống. Nói lái, một âm thanh không ăn khớp, một hình ảnh tượng trưng (*lá đa, nguyệt, hoa rữa, miếng trầu hôi, đậu thưa, cái này - Chúa dấu vua yêu một cái này, cái quạt, cái xuân tình, gi bà cốt, chút téo téo.teo, động Hương Tích, hang Cắc Cớ, trái trăng thu, quả mít, giếng nước, lạch Đào Nguyên v.v.*) là những ký hiệu di chuyển từ cái miêu tả đến cái ẩn dụ, vô cùng đa dạng, biểu đạt sức sống có tầm cõi vũ trụ, cái vĩnh cửu. Cái ngạc nhiên, cái đột ngột, cái bất ngờ, cái thầm thía nỗi buồn, gây nên bởi cái xộc xệch, không ăn khớp, cái gập ghềnh... là những đặc trưng phong cách thơ nôm Hồ Xuân Hương. Chất đá ở thơ Hồ Xuân Hương thật kỳ lạ: Đá Ông Chồng Bà Chồng, "tầng trên, thời dưới", "tuyết điểm, sương pha", phơi dưới ánh mặt trời và ánh trăng, xung quanh là sông núi. Hang Thánh Hoá, Hang Cắc Cớ, những khối đá có hình chạm trổ, ngành nhánh vươn ra, lườn đá, những hình khối vững chắc, với nước, rất nhiều nước, sao lăm nước thế: *Giọt nước hữu tình rơi thánh thót, Lách khe nước rỉ..., Sóng dồn mặt nước... Một dòng nước biếc... Một lạch Đào Nguyên... Đầm**

*đìa lá liễu hạt sương gieo v.v.* Cái chất "thuỷ" làm mềm dịu những kiến trúc đá trong thơ Hồ Xuân Hương.

Thật là không hợp lý việc tách rời các yếu tố màu sắc, âm thanh, hình thù, nhịp thơ, từ ngữ, ngữ pháp v.v... trong thơ: tất cả các yếu tố ấy vận hành liên kết với nhau thành hệ thống, thành một khối. Mỗi yếu tố không đơn lẻ, không đứng chờ v.v. Thơ Hồ Xuân Hương có những đá tảng và những lớp sóng lượn. Chính mâu thuẫn này tạo cho tập thơ sức năng động, cái đẹp dữ dội và khắc khoải. Cái cười Hồ Xuân Hương rộn rã và xót xa. Nhà thơ nữ yêu thích núi non, cảnh đêm thanh vắng, cái trăng trong, không vết gợn. Có thể thấy ở thơ Hồ Xuân Hương các môtip sau đây: môtip Hang động, môtip Vắng vắng, môtip Trăng son, môtip Trăng khuya.

Có thể xếp vào môtip Hang động các bài thơ *Kẽm Trống*, *Động Hương Tích*, *Hang Thánh Hoá*, *Hang Cốc* và những bài thơ tuy không miêu tả hang động, song có những cấu trúc tương tự, như *Quán Khánh*, *Đèo Ba Dơi*, *Đá Ông Chồng Bà Chồng*... Liên kết các bài thơ này trong một xuyên văn bản có thể thấy nhiều nhịp điệu mạnh, nhiều âm và vần bất ngờ, táo bạo (*phòm*, *ngoàm*, *hoển*, *teo*...) tạo nên sức mạnh và những nổ bùng liên tiếp: và liên tiếp, nó chuyển nhịp, đồng thời chuyển nghĩa, từ cái miêu tả sang cái ẩn dụ. Mỗi bài thơ là sự phôi hợp liên kết chặt chẽ giữa các động từ hoạt động, màu sắc, âm thanh, hình dáng, nhịp độ (căng, chùng) để biểu đạt tư tưởng triết học của nhà thơ. Thơ Hồ Xuân Hương, có nhiều lớp nghĩa. Ở những bài thơ "hang động", thanh trắc giữ vị trí quan trọng, nhiều khi nhịp thơ dừng lại ở thanh trắc và tiếp tục với nhịp độ căng thẳng, kết thúc bằng một thanh trắc khác:

*Kẽ hầm rêu mốc / tro toen hoển...*

*Một sư đầu trọc / ngồi khua mõ...*

*Người quen cảnh Phật / chen chân xoc...*

*Ở trong hang núi / còn hơi hép...*

Tiếp theo những nhịp mạnh ngắt đôi ấy, là những nhịp nhẹ:

*Ra khỏi đầu non đã rộng thùng.*

Song, nhịp nhẹ này kết thúc bằng một âm lạ lùng, tạo một thông báo khác. Có thể nhận xét như trên với các vần *phòm*, *ngoàm*, *bom*... Các "tử vận" ấy là những vần tạo nghĩa. Bài thơ *Quán Khánh* khởi động bằng âm "tréo" và âm vang suốt bài thơ. Sự điệp trùng mười bốn âm "eo" trong bài thơ là một sáng tạo kỳ lạ:

*Đứng tréo trông theo cảnh hắt heo,*

*Đường đi thiên theo quán cheo leo...*

Các âm đó da diết, vang dội như những lớp sóng đến bài thơ *Chùa Quán Sứ* ("Quán Sứ sao mà cảnh vắng teo, Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo...") Ở các bài thơ thuộc môtip này, tập trung nhiều bút pháp lạ lùng của nhà thơ: các động từ: cọ mãi, gió giật, sóng dồn, đấm, móc, khua, xoc, dòn..., liên kết với các âm dở *dom*, *phật phòm*, *hom*, *râu mốc*, *trọc lốc*... với các hình dáng: *ngẳng ngheo*, *lắt léo*, *thiên theo*... với nói lái: *lộn loè*, *dém lại deo*, *trái gió*, *đá deo*... mâu thuẫn kịch liệt với những cảnh chùa, "cõi phật", "bầu tiên", có sư, vãi, chày kình, tràng hạt. Mâu thuẫn này mang nhiều ý nghĩa. Có thể thấy Hồ Xuân Hương "hoa đồng" cái "thiêng liêng" với cơ thể người phụ nữ, tức là tiếng nói của tự nhiên, của bản năng muôn thuở của loài người, của hạnh phúc con người. Các bài thơ "hang động" phát hiện cái đẹp thiên nhiên, của người phụ nữ. Từ lâu nay, nhiều nhà nghiên cứu bình luận thơ Hồ Xuân Hương xung quanh "cái thanh, cái tục", nào "đố tục giảng thanh" hay "đố thanh giảng tục", nào "chuyện buồng kín" v.v. Không thể như vậy. Ở đây, không hề có "cái tục", mà chỉ có cái tự nhiên, cái đẹp, sức sống của tồn tại con người.

Không phải vấn đề đạo lý, mà vấn đề triết lý, triết lý tự nhiên và triết lý cái đẹp: Nó hướng tới cái hạnh phúc và tự do. Bởi vậy, những bình luận như "Hồ Xuân Hương đả kích giai cấp thống trị" hoặc: "Hồ Xuân Hương tát vào mặt bọn phong kiến đạo đức giả" v.v. là không chính xác. Tôi nghĩ nhà thơ nữ, ca sĩ của đời sống tự nhiên, của tình yêu, cuộc sống nam nữ, không thể chấp nhận cuộc sống diệt dục. Đối tượng phê phán kịch liệt nhất của nhà thơ nữ là nhà sư. Cho nên, khi nhà phê bình nói đến "thời đại suy vi của đạo Phật" hoặc ám chỉ chùa chiền thời bấy giờ đã mất hết "chính đạo", chỉ còn chứa chấp "sư hổ mang" v.v., tôi cho rằng đó là những suy luận không thể chấp nhận. Hồ Xuân Hương phản đối dữ dội lối sống "phản tự nhiên", chế giễu nhẹ nhàng, ít cay độc, những ai không dám nói đến bản năng và khát vọng bình thường ấy. Hồ Xuân Hương lựa chọn chính khung cảnh nhà chùa để miêu tả cơ thể người phụ nữ, tình yêu bản năng, rõ ràng đó là thiên tài của nhà thơ, cũng như xưa kia, ở phương Tây, Cervantes lựa chọn Don Quichotte nhà hiệp sĩ để kết thúc loại tiểu thuyết hiệp sĩ thời Trung Cổ. Nói đến sự diệt dục, đến sự mê, Hồ Xuân Hương có một thái độ quyết liệt, từ miêu tả bề ngoài "đầu trọc lốc, áo không tà" đến kiếp "tu hành nặng đá đeo", "đầu sư há phải gì bà cốt", đường tu thì "trái gió" nên phải "lộn lèo"; rồi "bá ngọ", rồi "cha kiếp", quả là phẫn nộ, quả là khinh ghét. Cùng với sự là người ái nam ái nữ với lời chua chát và thương hại (Thây cha... Mặc mẹ...). Còn đối với "Hiền nhân, quân tử ai mà chẳng, Mỗi gối chồn chân vẫn muốn trèo", cái quạt "che đầu quân tử lúc sa mưa", hoặc "Quân tử dùng dằng di chẳng dứt", hoặc "Chúa dấu vua yêu một cái này": Không có gì cay độc hay gay gắt. Loài người mà nhà thơ khinh miệt, chính là bọn dốt nát, thơ thẩn chỉ là bôi bác, làm bẩn tường, bẩn giấy, cái "phường lời tối" ấy "cũng đòi học nói, nói không nên", cái giống "ong non", "dê con" huênh hoang ấy, hãy "lại đây cho chị dạy làm thơ". Phải nói thêm rằng những đối

thoại giữa Hồ Xuân Hương và chiêu Hổ là những đối thoại tuyệt vời, có một không hai trong văn học cổ Việt Nam. Những bốn cợt hết sức thông minh, tinh nghịch xung quanh "lá đa", "hang hầm", "choi nguyệt", "năm hay ba" lần của đôi bạn nam nữ bình đẳng, với những xưng hô tai quái, biểu đạt cái "sống" của ngôn ngữ con người ("Anh đồ tỉnh, anh đồ say" - "Này ông tỉnh, này ông say"... "Này này chị bảo cho mà biết"...v.v) bên tám lạng, bên nửa cân; những tiếng gọi xách mé, những lời trách chanh chua. Đáp lại, là những tiếng "ác" hơn ("Này ông ghẹo nguyệt giữa ban ngày"... "Hồi hổi cô bay, tớ bảo nhe) (*nhe* = mở ra, *nhe răng*) của người bạn trai. Chiêu Hổ thật không "hổ" là bạn tình của Hồ Xuân Hương.

"Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom...

"Canh khuya văng vẳng trong canh dồn

"Văng vẳng tai nghe tiếng khóc chồng...

"Văng vẳng tai nghe tiếng khóc gi

(Thương chồng nén nỗi khóc tì ti...)"

Những tiếng "văng vẳng" trong đêm khuya thật ai oán; những âm thanh xa xôi này liên kết với các âm thanh "cốc", "om" biểu đạt không khí "sầu", "thảm" bao trùm vũ trụ, và nỗi "đắng cay", tiếng khóc như không dứt với thời gian, và lời dỗ dành cưng nỉ non với cái vô cùng vô tận: "Nín đi kéo thận với non sông". Một sự cô đơn rờn rợn. Song tiếng ca "râu rí", "vàng trăng bóng xế" ấy luôn luôn bị cắt đứt bởi những âm thanh trái ngược, tạo xung đột trong nhịp điệu các nhà thơ của motif "văng vẳng"; đó là các vần "mõm mõm", "già tom", đó là các từ "tro cái hồng nhan", "tí con con", "khóc tì ti", là lối chơi chữ "quế chi", "cam thảo", "trần bì", đầy cay đắng và thách thức. Ở thơ Hồ Xuân Hương, nhịp mạnh bao giờ cũng lấn át nhịp nhẹ, đó là cái "gân cốt" của nhà thơ. Thân phận người đàn bà trôi nổi, lõi làng, khổ đau, song "định mệnh" không thể đánh bại người

phụ nữ.

Môtip "trắng son" khẳng định cái đẹp vĩnh cửu của người phụ nữ. Bằng hai màu trắng son, với cái nền xanh của mùa xuân, nhà thơ ngợi ca cái đẹp trắng trong, cái đẹp sätt son của người phụ nữ. Màu trắng của da, màu son của trái tim, hay màu trắng, màu hồng của tâm hồn và thân thể người phụ nữ, là sức quyến rũ mê say của cuộc sống; mùa xuân thắm tươi, tuổi trẻ là nét thắm mỹ tồn tại mãi mãi:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn,  
... Mà em vẫn giữa tấm lòng son,*

Hai tố nữ, hai "cô mình" xinh đẹp:

*Đôi lứa như in tờ giấy trắng,  
Nghìn năm còn mãi cái xuân xanh*

và

*Yêm đào trẽ xuống dưới nương long...  
... Một lạch Đào Nguyên suối chửa thông*

Những thiếu nữ "hồng hồng má phấn", "mười bảy hai mươi tám", "sáng mồng một, lồng then Tạo hoá, mở toang ra (...) đón xuân vào". Ở đây, các màu trắng, son, xanh được dùng một cách tuyệt đối, không phải "trắng phau phau", "đỏ loét", "xanh rì" (những trạng từ làm chuyển sắc độ và chuyển nghĩa). Ở thơ Hồ Xuân Hương, vẫn một nhận xét: cái đẹp vô cùng, vô tận ấy "Nghìn năm ... Tạo hoá...) phải lênh đênh, trôi nổi: *bồ liêu, mỏng manh, bảy nổi ba chìm...* Có lẽ như vậy, người đẹp càng lộng lẫy. Môtip "trắng son" biểu đạt cái đẹp lý tưởng.

Cái màu trắng son trong bài thơ *Hồi Trắng*, mang ý nghĩa siêu hình, ý nghĩa triết lý về thời gian, không gian, về cái vĩnh hằng, cái sinh thành, về cái thân phận con người trong mối quan hệ với vũ trụ vô thuỷ vô chung. Hãy nghe lời thơ dùu dặt:

*Đêm vắng cớ chi phô tuyêt trắng?*

*Ngày xanh sao nỡ tạnh lòng son?*

Hỏi có bài thơ nào trên thế gian này gồm toàn những câu hỏi liên tiếp, nồng nàn và day dứt nhường ấy: *Cớ sao, Hồi con Ngọc Thủ, Chứ chỉ Hàng Nga, Cớ chi, Sao nỡ, Chờ ai đó, Hay có tình riêng với nước non?*

Những câu hỏi liên tiếp với nhau tạo thành nhịp thơ ngày càng căng thẳng, bồi hồi, nhức nhối. Trong thơ bát cú của Hồ Xuân Hương, có thể hai câu 5 và 6 thường là linh hồn của bài thơ; hãy đọc lại:

*Đêm vắng cớ chi phô tuyêt trắng?*

*Ngày xanh sao nỡ tạnh lòng son?*

Các âm "vắng" và "trắng" trùng điệp, cũng như sự điệp trùng của âm "x" ở câu sau (*Xanh, sao, son*), là những âm vang dội lên trong đêm khuya. Và kết thúc bài thơ là hai câu biểu đạt cái cô đơn và niềm hy vọng:

*Năm canh lơ lửng chờ ai đó?*

*Hay có tình riêng với nước non?*

Nếu thơ được định nghĩa như "văn bản của cái kỳ lạ", gây ngạc nhiên, như Baudelaire nói, thì thơ nôm Hồ Xuân Hương rất thơ. Nó mang nhiều chất nổ của thời đại, thời đại của kinh kỳ, phố Hiến, của trào lưu văn học nghệ thuật đòi giải phóng con người, ngợi ca tài năng, cái đẹp, nhất là của người phụ nữ. Hồ Xuân Hương góp tiếng thơ đầy nhạc, biểu đạt súc sống và cái đẹp của cơ thể, của tấm thân và trái tim rất trẻ của người phụ nữ, trong định mệnh đầy cay đắng. Hồ Xuân Hương sáng tạo những cấu trúc ngôn ngữ thơ đầy tài năng, đến nay chưa dễ ai hiểu hết.